



Mã số: 260513/0839:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 22 tháng 05 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP CỬ CHI**
- Địa chỉ: 357 Phan Văn Khải, Ấp Thượng, Xã Cù Chi, TP. HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT5.260513	0513/NT/U-COM-CC/1: Sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1212042; Y = 582251)

4. Ngày lấy mẫu: 13/05/2026

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A
				NT5.260513	
1	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	8,32	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	9	30
3	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	20	--
4	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5,0)	50
5	N-NH ₄ ^{+(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	KPH (MDL=0,05)	5
6	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1,0)	10
7	TDS ^{(a)(b)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	44,3	500
8	S ^{2-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	1
9	P-PO ₄ ^{3-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	KPH (MDL=0,05)	6
10	N-NO ₃ ^{-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	KPH (MDL=0,05)	30
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	5
12	Coliforms ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	3.000

Ghi chú: Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện
Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo



K.T. Giám Đốc

Tạ Công Uẩn

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm